

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002240

Trang : 1/2

Môn học: **Cung cấp điện (228291) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: **26**

Số bài thi: **26**

Số tờ giấy thi: **24**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
<i>Trần Quang Thái</i>	<i>Ngô Thọ</i>	<i>Đào Văn</i>	<i>Trần Tuy</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050070	PHAN KIM TUẤN ANH	07/04/2001	CCQ1905C		1	<i>[Signature]</i>	3,0	3,0	3,0	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
2	2121050058	PHẠM TIẾN CƯỜNG	21/01/2003	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	8,0	9,5	8,9	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
3	2121050041	NGUYỄN ĐỨC	20/04/2003	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	3,0	9,0	6,6	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
4	2121050071	PHAN MINH ĐỨC	27/05/2003	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	8,0	9,5	8,9	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
5	2121050057	HÒA NGỌC HẢI	22/02/2002	CCQ2105B				3,0			<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
6	2121050049	ĐÀO TẤN HIỂN	27/09/2003	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	5,0	5,5	5,3	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
7	2121050078	NGUYỄN TRUNG HIỂU	17/11/2002	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	5,0	7,5	6,5	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
8	2118050157	TRẦN VŨ MINH HIỂU	07/11/1999	CCQ1805C				0			<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
9	2121050038	NGUYỄN HOÀNG HY	13/07/2003	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	7,0	7,5	7,3	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
10	2121050042	HỨA HOÀNG KHANG	16/12/2003	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	9,0	9,0	8,4	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
11	2120050012	HỒ NHỰT NAM	17/12/2002	CCQ2005A				0			<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
12	2121050043	CHÂU QUỐC KHÁNH	02/09/2003	CCQ2105B				0			<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
13	2121050061	NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG KHÁNH	05/12/2003	CCQ2105B		2	<i>[Signature]</i>	5,0	8,0	6,8	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
14	2121050062	NGUYỄN TỰ LẬP	10/08/2003	CCQ2105B			<i>[Signature]</i>	0			<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
15	2121050056	NGUYỄN HOÀI LINH	09/07/2003	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	5,0	7,5	6,5	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
16	2121050047	TRƯƠNG THÀNH LINH	27/05/2000	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	7,0	7,5	7,3	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
17	2121050055	NGUYỄN VĂN LƯU	19/04/2003	CCQ2105B				0			<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
18	2121050051	NGUYỄN GIA MÃN	30/10/2003	CCQ2105B				0			<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
19	2121050065	TRỊNH VĂN MINH	17/10/2003	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	6,0	9,0	7,8	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
20	2121050036	LÊ THANH NAM	19/05/2003	CCQ2105B		1	<i>[Signature]</i>	0			<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002240

Trang : 2/2

Môn học: **Cung cấp điện (228291) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: **21**...

Số bài thi: **26**...

Số tờ giấy thi: **27**...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121050076	NGUYỄN HOÀI NAM	10/07/2003	CCQ2105B		1	Tran	3,0	6,0	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2119050121	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	31/05/2001	CCQ1905D		1	Nghia	7,0	6,5	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121050063	ĐỖ DUY NGỌC	14/11/2003	CCQ2105B		1	Ngoc	3,0	5,5	4,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
✓ 24	2121050040	NGUYỄN TRƯỜNG ĐÌNH NGUYỄN	20/04/2003	CCQ2105B				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121050039	ĐẶNG ĐỨC PHÚ	07/07/2003	CCQ2105B		1	Phu	9,0	8,0	8,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121050064	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	23/04/2003	CCQ2105B		1	Phu	6,0	8,0	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121050066	ĐOÀN NGỌC QUẾ	29/09/2003	CCQ2105B		1	Quoc	8,0	6,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121050060	LÊ VĂN QUYẾT	02/01/2003	CCQ2105B		1	Quyết	1,0	9,0	9,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
✓ 29	2121050037	CHÂU PHƯỚC SANG	11/11/2003	CCQ2105B				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121050044	TỪ TỊNH TÂM	31/05/2003	CCQ2105B		1	Tam	3,0	0,5	1,5	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121050054	ĐÀNG ĐỨC TÂN	17/06/2003	CCQ2105B		1	Tan	5,0	1,0	2,6	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121050059	PHẠM QUANG THẮNG	15/04/2002	CCQ2105B		1	Thang	9,0	7,5	8,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121050052	LÊ MINH THUẬN	13/02/2003	CCQ2105B		1	Thuan	7,0	9,5	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2118050125	TRẦN NHÂN THỨC	15/11/1996	CCQ1805B		1	Thuc	7,0	6,5	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
✓ 35	2120050128	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A		1	Phu	3,0	1,5	2,1	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2121050053	HUỲNH NGUYỄN TẤN TRUNG	30/01/2002	CCQ2105B		1	Trung	7,0	9,0	8,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
✓ 37	2121050048	TRẦN TRUNG TRỰC	01/10/2002	CCQ2105B				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9